TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20**/2020/HS-ST
Ngày: 28/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nữa

Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Nhẫm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Lưu Thanh V; Sinh ngày: 14/6/1996; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 365/36/64 đường HG, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm công; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Thuận H (chết) và bà: Phùng Thị Ngọc P; Có vợ: Không và con: Không; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

(có mặt)

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị N; Sinh năm: 1980; Trú tại: 820/9/12 đường HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đặng Ngọc T; Sinh năm: 1980; Trú tại: 820/9/12 đường HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Ông Đỗ Quốc V1; Sinh năm: 1979; Trú tại: 318 khu phố B, thị trấn GT, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lưu Thanh V là người làm công cho bà Nguyễn Thị N. Khoảng 17 giờ ngày 14/3/2016, bà N rủ V đi chợ mua đồ, V đồng ý. Sau đó, bà N điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59K1-795.30 chở V. Khi đến tiệm may tại địa chỉ 26A lô M, cư xá Phú Lâm, Phường 10, Quận 6, bà N kêu V ở ngoài trông xe để bà N vào trong tiệm may lấy đồ (chìa khóa xe vẫn cắm trên ổ khóa công tắc). Sau khi bà N vào trong tiệm may được khoảng 05 phút, V ở ngoài nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của bà N, nên nổ máy xe tẩu thoát. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe, V đem về nhà cất giấu và sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 06/5/2019, ông Đỗ Quốc V1 (anh họ của V) đến hỏi V mượn xe đi công việc. Khi ông Quốc V1 điều khiển xe chạy đến đường Tùng Thiện Vương thuộc Phường 1, Quận 8 thì bị ông Đặng Ngọc T (chồng của bà N) phát hiện báo Công an Phường 1, Quận 8 bắt giữ ông Quốc V1. Vụ việc được chuyển giao Cơ quan điều tra Công an Quận 6 giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra, Lưu Thanh V khai nhận nội dung như đã nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Tại Văn bản số: 1158/TCKH ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Bản Kết luận định giá tài sản số: 220/KL-HĐĐGTS ngày 24 tháng 3 năm 2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 6 đã kết luận giá trị của chiếc xe máy hiệu Vision, màu đen xám, biển số 59K1-795.30, số khung RLHJF5806EY088291, số máy JF58E-0088391 tại thời điểm tháng 3/2016 là: 22.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 21/CT-VKS-Q6 ngày 11 tháng 5 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lưu Thanh V về tội «Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản» theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Thanh V khai nhận chính bị cáo, vào khoảng 17 giờ ngày 14/3/2019, tại trước tiệm may số 26A lô M, cư xá Phú Lâm, Phường 10, Quận 6, sau khi được bà Nguyễn Thị N tin tưởng giao chiếc xe gắn máy hiệu Vision, màu đen xám, biển số 59K1-795.30 cho bị cáo giữ, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này như nội dung bản cáo trạng nêu;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Quốc V xác nhận không biết chiếc gắn máy hiệu Vision biển số 59K1-795.30 mà Lưu Thanh V cho ông mượn là xe do V phạm tội mà có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lưu Thanh V như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Lưu Thanh V từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội «Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản» theo điểm a khoản 1 Điều 140; điểm g, điểm h, điểm p

khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Vision, màu đen xám, biển số 59K1-795.30, số khung RLHJF5806EY088291, số máy JF58E-0088391 trả lại bà Nguyễn Thị N, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Lưu Thanh V nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Lưu Thanh V tại phiên tòa với Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Biên bản nhận dạng; lời khai của các ông, bà Nguyễn Thị N, Đỗ Quốc V, Đặng Ngọc T và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lưu Thanh V đã phạm tội «Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Bị cáo Lưu Thanh V là người làm công cho bà Nguyễn Thị N và sau khi được bà N tin tưởng giao chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Vision, màu đen xám, biển số 59K1-795.30 trị giá 22.000.000 đồng cho bị cáo quản lý, bị cáo đã chiếm đoạt chiếc xe này. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là ngày 14/3/2016 (thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có hiệu lực pháp luật). Do đó, để đảm bảo tính hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian quy định tại khoản 1 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Lưu Thanh V về tội «Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản» theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo hướng có lợi cho bị cáo, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Bởi trong vụ án này, Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (cụ thể là khoản 1 Điều 140) có

khung hình phạt nhẹ hơn so với Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (cụ thể là khoản 1 Điều 175) khi đối chiếu với nhau.

Hành vi của bị cáo Lưu Thanh V không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương.

Bị cáo Lưu Thanh V là người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có phương tiện đi lại mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lưu Thanh V đã hoàn thành, việc bị phát hiện và thu giữ lại tài sản là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn (tài sản đã được thu hồi trả bị hại); phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo đang bệnh nặng (hội chứng suy giảm miễn dịch - HIV/AIDS), nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Và xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng; hiện có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có người bảo lãnh. Ngoài ra, theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 6 thì từ khi được tại ngoại đến nay, bị cáo đã không gây nguy hại, tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm, vì vậy Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo với một thời gian thử thách nhất định theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và tạo điều kiện cho bị cáo được sửa chữa những sai lầm đã phạm phải.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, thì bị cáo Lưu Thanh V còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Việc bồi thường thiệt hại: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu bồi thường (theo Biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2019 - BL77, 78), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Việc xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý trả chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Vision, màu đen xám, biển số 59K1-795.30, số khung RLHJF5806EY088291, số máy JF58E-0088391 cho bà Nguyễn Thị N (theo Biên

bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 25/8/2019 - BL96), do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[7] Đối với ông Đỗ Quốc V1, Viện kiểm sát xác định ông V1 không biết rõ chiếc gắn máy hiệu Vision biển số 59K1-795.30 mà bị cáo Lưu Thanh V cho ông mượn là tài sản do phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Bị cáo Lưu Thanh V chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Lưu Thanh V** phạm tội: «Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản».

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Lưu Thanh V** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lưu Thanh V cho Ủy ban nhân dân Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Lưu Thanh V có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo Lưu Thanh V.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lưu Thanh V phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7

và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Lưu Thanh V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đỗ Quốc V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

- Đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo Lưu Thanh V.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên